

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ đặt hàng duy tu, sửa chữa một số hạng mục công trình đê điều trên địa bàn thành phố Hà Nội.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29/11/2006;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 48/2009/TTLT-BTC-BNN ngày 12/3/2009 giữa Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp duy tu, bảo dưỡng đê điều;

Căn cứ Quyết định số 1228/QĐ-BNN ngày 02/6/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Định mức dự toán công tác duy tu, bảo dưỡng đê điều;

Căn cứ văn bản số 1776/BXD-VP và văn bản số 1778/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Định mức dự toán xây dựng - Phần xây dựng;

Căn cứ Định mức dự toán duy trì cây xanh đô thị kèm theo công số 2273/BXD-VP ngày 10/11/2008 của Bộ Xây dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại tờ trình số 196/TTr-SNN ngày 19/9/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ đặt hàng duy tu, sửa chữa một số hạng mục công trình đê điều trên địa bàn thành phố Hà Nội”, gồm:

1. Phát quang mái và chân đê.
2. Duy trì, chăm sóc và bảo vệ tre chắn sóng.
3. Nạo vét rãnh thoát nước đê kè.
4. Bảo trì công nghệ thuật trên đê.
5. Sửa chữa, vá lấp ổ gà và các hư hỏng mặt đê.

Điều 2. UBND Thành phố giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn áp dụng và quản lý thực hiện; tổ chức theo dõi, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành Thành phố, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND Thành phố
(để báo cáo);
- Các Phó chủ tịch UBND Thành phố;
- VPUB: Các PCVP, các phòng CV, Trung tâm Tin học Công báo TP;
- Lưu: VT, NNNTGiang(2b).

160.

60

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Xuân Việt

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
PHỤC VỤ ĐẶT HÀNG DUY TU SỬA CHỮA MỘT SỐ HẠNG MỤC CÔNG
TRÌNH ĐỀ ĐIỀU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Kèm theo Quyết định số 5219/QĐ-UBND ngày 10/10/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)



THUYẾT MINH ĐỊNH MỨC

I. Nội dung định mức:

1. Mức hao phí vật liệu:

Là mức hao phí vật liệu trực tiếp cần thiết cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng công tác xây lắp (không kể vật liệu phụ cần dùng cho máy móc, phương tiện vận chuyển và những vật liệu chi trong khoản chi phí chung), bao gồm cả hao hụt vật liệu trong khâu thi công theo quy định hiện hành.

2. Mức hao phí lao động:

Là số ngày công lao động trực tiếp tương ứng với cấp bậc công việc quy định để hoàn thành khối lượng công tác xây lắp, trong mức đã bao gồm công của lao động chính thực hiện công tác xây lắp và công của lao động phục vụ xây lắp (vận chuyển bốc dỡ vật liệu, bán thành phẩm... trong phạm vi mặt bằng xây lắp).

Mức lao động đã tính đến cho việc vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m - 50m ở điều kiện bình thường.

3. Mức hao phí máy thi công:

Là số ca sử dụng máy thi công trực tiếp công việc xây lắp, mức hao phí máy thi công khác tính bằng tỷ lệ % trên chi phí sử dụng máy chính.

II. Phạm vi áp dụng định mức:

Định mức làm cơ sở phục vụ việc đặt hàng duy tu, sửa chữa một số hạng mục công trình đề điều trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Định mức áp dụng đối với 404,067 km đề từ cấp III đến cấp Đặc biệt (hữu Đà, tả-hữu Hồng, Vân Cốc, tả-hữu Đuống, hữu Cầu, tả-hữu Cà Lò, tả-hữu Đáy, La Thạch, Ngọc Tảo, Quang Lãng, Liên Trung, Tiên Tân).

III. Thuyết minh xây dựng định mức:

Định mức kinh tế kỹ thuật phục vụ việc đặt hàng duy tu, sửa chữa một số hạng mục công trình đề điều trên địa bàn thành phố Hà Nội, được biên tập từ Định mức kinh tế kỹ thuật đã được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành (Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND Thành phố) còn hiệu lực và đang được áp dụng; đồng thời tổng hợp tình hình thực tế triển khai công tác duy tu, sửa

chữa công trình đê điều từ năm 1997 đến nay (*thời điểm Bộ Tài chính – Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Thông tư liên tịch số 61/TT-LB ngày 05/9/1997 hướng dẫn về công tác duy tu, bảo dưỡng công trình đê điều*) để hoàn chỉnh tập định mức.

Mã hiệu Định mức được vận dụng để xây dựng Định mức phục vụ việc đặt hàng duy tu, sửa chữa một số hạng mục công trình đê điều, cụ thể:

PQ1.1 mã 10.92.00 - Quyết định số 1228/QĐ-BNN ngày 02/6/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

CST2.1: *CST2.1.1* mã 20.10.00; và *CST 2.1.2* mã 20.20.00 - Quyết định số 37/2007/QĐ-UBND ngày 28/3/2007 của UBND Thành phố.

NVR3.1 mã XR.65.00 - Văn bản số 1778/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng.

BTC4.1: *BTC4.1.1* mã CX.11111, *BTC4.1.2* mã CX.12111, *BTC4.1.3* mã CX.12140 - Văn bản số 2273/BXD-VP ngày 10/11/2008 của Bộ Xây dựng.

SC5.1 mã 14.10.00 - Quyết định số 1228/QĐ-BNN ngày 02/6/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

SC5.2 mã XR.54.10 - Văn bản số 1778/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng.

SC5.3 mã 15.10.00 - Quyết định số 1228/QĐ-BNN ngày 02/6/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

SC5.4: *SC5.4.1* mã XA.11.11, *SC5.4.3* mã XP. 92.81, *SC5.4.4* mã XR.61.32, *SC5.4.5* mã XR.31.21, *SC5.4.6* mã XR.26.25 - Văn bản số 1778/BXD-VP ngày 16/8/2007; *SC5.4.2* mã AB.3111 - Văn bản số 1776/BXD-VP ngày 16/8/2007.

SC5.5: *SC5.5.1* mã XA.25.22, *SC5.5.3* mã XP.92.81, *SC5.5.4* mã XR.61.32, *SC5.5.5* mã XC.42.10 - Văn bản số 1778/BXD-VP ngày 16/8/2007; *SC5.5.2* mã AB.11713 - Văn bản số 1776/BXD-VP ngày 16/8/2007.

IV. Kết cấu định mức:

Chương I- *Định mức phát quang mái và chân đê (PQ1.1).*

Chương II- *Định mức duy trì, chăm sóc, bảo vệ tre chắn sóng (CST2.1).*

Chương III- *Định mức nạo vét rãnh thoát nước đỉnh kè (NVR3.1).*

Chương IV- *Định mức bảo trì công nghệ trên đê (BTC4.1).*

Chương V- *Định mức sửa chữa, vá lấp ổ gà, các hư hỏng mặt đê (SC5.1; SC5.2; SC5.3; SC5.4; SC5.5).*

CHƯƠNG I

ĐỊNH MỨC PHÁT QUANG MÁI VÀ CHÂN ĐÊ

1.1. Phát quang mái và chân đê:

a) Mục đích:

Công tác phát quang mái và chân đê được thực hiện trước và trong mùa mưa lũ, nhằm tạo thuận lợi cho công tác tuần tra canh gác đê, phát hiện các sự cố, hư hỏng công trình đê điều, để kịp thời ứng cứu hộ đê; đồng thời góp phần tạo cảnh quan môi trường.

b) Yêu cầu kỹ thuật:

- Phát, dọn cây, cỏ trên mái, chân đê; đảm bảo chiều cao cây thân mềm, cây cỏ còn lại (gốc còn lại) sau khi phát $\leq 10\text{cm}$; không còn gốc cây thân gỗ có đường kính $\geq 5\text{cm}$.

- Thực hiện 1 lần/năm (thời gian trong khoảng từ tháng 6-8 hàng năm).

c) Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển dụng cụ đến nơi làm việc.

- Chặt, nhổ gốc cây cỏ dại mọc trên mái đê, chân đê.

- Đào bỏ gốc cây thân gỗ (có đường kính $\geq 5\text{cm}$).

- Gom cỏ, thân cây dại đến vị trí quy định (cự ly gom bình quân 50m).

- San lấp lại mái đê như cũ, trồng dặm cỏ mái đê (tại những vị trí đào bỏ gốc cây thân gỗ).

Đơn vị tính: 100m² / lần

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
PQ 1.1	Phát quang mái và chân đê	Nhân công - Bạc thợ 1,5 / 7	công	1,978

CHƯƠNG II

ĐỊNH MỨC DUY TRÌ, CHĂM SÓC BẢO VỆ TRE CHẮN SÓNG

2.1. Duy trì, chăm sóc, bảo vệ tre chắn sóng:

a) Mục đích:

Duy trì đảm bảo cho tre chắn sóng phát triển bình thường, nhằm phát huy hiệu quả chắn sóng bảo vệ an toàn công trình đê điều; đồng thời góp phần tạo cảnh quan môi trường khu vực ven đê.

b) Yêu cầu kỹ thuật, thành phần công việc:

- Bảo vệ tre và hàng rào bảo vệ không để bị chặt, phá hoại.
- Thường xuyên kiểm tra, phát hiện sớm sâu bệnh để kịp thời xử lý.
- Làm cỏ, phát bỏ cây dại, vun đất xung quanh gốc tre, rộng 2m²/cụm.
- Làm cỏ vun đất 2 lần trong năm (vào tháng 3 và tháng 9 hàng năm).

Đơn vị tính: 1 km tre /1 năm

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CST 2.1	Duy trì, chăm sóc, bảo vệ tre chắn sóng			
<i>CST 2.1.1.</i>	Duy trì, bảo vệ tre chắn sóng	Nhân công bậc 1,5/7	công	792
<i>CST 2.1.2</i>	Làm cỏ vun đất, chăm sóc tre chắn sóng	Nhân công bậc 1,5/7	công	22

Ghi chú: 1 km tre chắn sóng tiêu chuẩn gồm: 2 hàng, mỗi hàng cách nhau 5m, khoảng cách giữa các khóm trong hàng là 5m; 1 km có 400 khóm tre. Trường hợp tre không theo tiêu chuẩn trên, công tác Làm cỏ vun đất, chăm sóc tre chắn sóng (CST2.1.2) được triết tính theo định mức 0,055 công/ 1 khóm/ năm.

CHƯƠNG III

ĐỊNH MỨC NẠO VẾT RÃNH THOÁT NƯỚC ĐỈNH KÈ

3.1. Nạo vét rãnh thoát nước đỉnh kè:

a) Mục đích:

Nạo vét rãnh thoát nước đỉnh kè nhằm đảm bảo tiêu thoát nước, duy trì hoạt động bình thường của công trình kè lát mái; hạn chế tình trạng xói ngầm, nước tràn qua mái kè gây ra các sự cố xói, sập mái kè.

b) Yêu cầu kỹ thuật:

Sau khi nạo vét bảo đảm trong rãnh thoát nước sạch sẽ đất cát, bùn rác... việc tiêu thoát nước đỉnh kè được thông thoáng.

c) Thành phần công việc:

Đào, xúc bùn, đất, rác trong rãnh thoát nước, đổ đúng nơi quy định hoặc đổ lên phương tiện vận chuyển trong phạm vi 100m.

Đơn vị tính: công/m

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
NVR 3.1	Nạo vét rãnh thoát nước đỉnh kè	Nhân công bậc 3,5/7	công	0,035

CHƯƠNG IV

ĐỊNH MỨC BẢO TRÌ CỎ KỸ THUẬT TRÊN ĐÊ

4.1 Bảo trì cỏ kỹ thuật trên đê:

a) Mục đích:

Duy trì thảm cỏ trên đê luôn xanh đều, bằng phẳng, phủ kín mái đê, nhằm bảo vệ, hạn chế xói lở mái đê do nước mưa gây ra; đồng thời tạo cảnh quan môi trường đô thị xanh, sạch, đẹp.

b) Yêu cầu kỹ thuật:

- Cỏ kỹ thuật trên đê là loại cỏ ba lá (cỏ lá tre) có rễ chùm, mọc thành cụm, bám chắc chắn vào mái đê.

- Bảo trì phải duy trì thảm cỏ kỹ thuật ở mái đê thượng, hạ lưu đã được đầu tư qua các năm, bảo đảm điều kiện cho cỏ phát triển kể cả trong mùa khô và không bị cây dại mọc lấn trong mùa mưa.

c) Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển dụng cụ đến nơi làm việc.
- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều ướt đầm thảm cỏ (nước tưới khai thác từ nguồn tại chỗ). Tưới nước trung bình 2 lần/1 tháng (24 lần/1 năm).
- Cắt tĩa thường xuyên, duy trì thảm cỏ luôn bằng phẳng và đảm bảo chiều cao cỏ từ 7-10cm. Phát thảm cỏ bằng máy cắt cỏ 1 tháng/1 lần (12 lần/1 năm).
- Nhổ cây dại, cỏ dại, đảm bảo thảm cỏ được duy trì lẫn không quá 20% cỏ dại. Làm cỏ tạp (nhổ cỏ dại, cây dại) 1 tháng/1 lần (12 lần/1 năm).
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, gom cỏ rác đến nơi quy định.

Đơn vị tính: 100 m²/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
BTC 4.1	Bảo trì cỏ kỹ thuật trên đê			
<i>BTC 4.1.1</i>	<i>Tưới nước thảm cỏ bằng máy bơm</i>	<i>Nhân công:</i> - Bậc thợ bình quân 3,5/7 <i>Máy thi công:</i> - Máy bơm chạy xăng 3CV	công ca	0,075 0,075
<i>BTC 4.1.2</i>	<i>Phát thảm cỏ bằng máy</i>	<i>Nhân công:</i> - Bậc thợ bình quân 4/7 <i>Máy thi công:</i> - Máy cắt cỏ công suất 3 CV	công ca	0,160 0,067
<i>BTC 4.1.3</i>	<i>Làm cỏ tạp</i>	<i>Nhân công:</i> - Bậc thợ bình quân 4/7	công	0,330

CHƯƠNG V

ĐỊNH MỨC SỬA CHỮA VÁ LẤP Ổ GÀ, CÁC HƯ HỎNG MẶT ĐÊ

5.1. Lấp ổ gà, rãnh trùng lề đường mặt đê:

a) Mục tiêu:

Lấp các ổ gà, rãnh trùng lề đường mặt đê để tránh hiện tượng đọng nước làm hư hỏng mặt đê, gây xói lở mái đê, ảnh hưởng đến an toàn công trình đê điều và gây khó khăn, mất an toàn cho người, phương tiện tham gia giao thông qua lại.

b) Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu sử dụng bằng cấp phối đá dăm loại 2 (đất đá hỗn hợp - Subbase).
- Trước khi rải vật liệu san lấp phải đào cuốc san phẳng đáy cắt vuông cạnh ổ gà, rãnh trùng.
- Đầm lèn (bằng đầm cóc) không được phá vỡ kết cấu đê, không làm thay đổi cao trình mặt đê. Sau khi đầm, lèn phải đảm bảo mặt đê phẳng nhẵn không có vết nứt, lồi lõm, hoặc tạo gờ.

c) Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện, mặt bằng thi công.
- Khơi rãnh thoát nước, dọn vệ sinh.
- Đào, cuốc san phẳng đáy, cắt vuông cạnh.
- Rải đất đá hỗn hợp đã được đổ đóng tại nơi thi công.
- San gạt, tưới nước đầm nén chặt.
- Rải lớp đá mặt trên mặt, hoàn thiện công trình đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 100m.
- Thu dọn hiện trường sau thi công.

Đơn vị: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SC 5.1	Lấp ổ gà, rãnh trùng lề đường mặt đê	<i>Vật liệu:</i>		
		Đất đá hỗn hợp	m ³	1,45
		Đá mặt	m ³	0,20
		<i>Nhân công: 4/7</i>	công	3,42
		<i>Máy thi công</i>		
		- Ô tô chở nước 5 m ³	ca	0,007

5.2. Bạt lè đường mặt đê:

a) Mục đích:

Bạt lè đường mặt đê nhằm đảm bảo việc tiêu, thoát nước, không gây ứ đọng trên mặt đê, giao thông đi lại trên đê được thuận tiện.

b) Yêu cầu và thành phần công việc:

Bạt lè đường mặt đê bằng thủ công; thu gom trật thải đổ đúng nơi quy định hoặc đổ lên phương tiện vận chuyển trong phạm vi 10m.

Đơn vị tính: công/10m²

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
SC 5.2	Bạt lè đường mặt đê	Nhân công bậc 3,5/7	công	0,24

5.3. San lấp rãnh xói mái đê:

a) Yêu cầu kỹ thuật:

Đắp, đầm lèn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo đúng thiết kế đê (kích thước mặt cắt, dung trọng...) không làm thay đổi cao độ dốc mái đê.

b) Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện, mặt bằng thi công.
- Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 100 m.
- Dọn vệ sinh rãnh xói và xung quanh.
- Cuốc mở rộng, đánh cấp rãnh xói.
- Rải đất san gạt, tưới nước đầm nện chặt.
- Hoàn thiện công trình, sửa vỡ mái đê đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.
- Trồng dặm cỏ mái đê.
- Thu dọn hiện trường sau khi thi công.

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SC 5.3	San lấp rãnh xói mái đê	<i>Vật liệu:</i>		
		Đất cấp phối tự nhiên	m ³	1,45
		<i>Nhân công: 4/7</i>	công	2,50
		<i>Máy thi công</i>		
		Đầm cóc	ca	0,033
		Ô tô chở nước 5 m ³	ca	0,007

5.4. Sửa chữa hư hỏng mặt đê kết cấu nhựa:

a) Mục đích:

Sửa chữa mặt đường đê có kết cấu nhựa đường bị hư hỏng cục bộ như ổ gà, lún sụt, bồng nhùng, kịp thời khắc phục hư hỏng, ngăn chặn phát triển mở rộng; nhằm đảm bảo an toàn cho công trình đê điều, thuận lợi cho công tác ứng cứu hộ đê và an toàn cho người, phương tiện tham gia giao thông.

b) Yêu cầu và thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, vật tư, phương tiện, mặt bằng thi công.
- Đào ổ gà, lún sụt, bồng nhùng sâu theo kết cấu mặt đường; cuốc san phẳng đáy, cắt vuông cạnh.
- Vận chuyển phế thải trong phạm vi 10km (tạm tính).
- Làm móng đường bằng cấp phối đá dăm, thành từng lớp, san gạt, tưới nước, đầm chặt theo yêu cầu kỹ thuật, móng đường dày 30cm (2 lớp).
- Vệ sinh móng đường; tưới dính bám bằng nhũ tương nhựa (tiêu chuẩn 1,1kg/m²) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.
- Rải bê tông nhựa (hạt mịn, dày 7cm), đầm nén, hoàn thiện mặt đường đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.
- Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 100m.
- Thu dọn hiện trường sau thi công.

Đơn vị tính: 10m²

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
SC 5.4	Sửa chữa hư hỏng mặt đường đê kết cấu nhựa			
SC 5.4.1	Đào bỏ mặt đường nhựa, chiều dày 7cm	Nhân công 3,7/7	công	1,000
SC 5.4.2	Đào móng đường chiều dày 30cm	Nhân công 3/7	công	3,210
SC 5.5.3	Vận chuyển phế thải cự ly 10km	Ô tô 7 tấn	ca	0,222
SC 5.4.4	Làm móng đường bằng cấp phối đá dăm dày 30cm	Vật liệu		
		Cấp phối đá dăm	m ³	3,960
		Nhân công 4/7	công	0,900
		Máy thi công		
		Máy đầm cóc	ca	1,500
SC 5.4.5	Tưới nhựa, dính bám 1,1kg/m ²	Vật liệu: nhũ tương	kg	11,990
		Nhân công 4/7	công	0,190
SC.5.4.6	Vá mặt đường bằng bê tông nhựa nóng hạt mịn, dày 7cm	Vật liệu		
		Bê tông nhựa nóng hạt mịn	Tấn	1,780
		Nhân công 4/7	công	1,920
		Máy thi công		
		Máy lu 10T	ca	0,028
		Máy khác	%	5,000

5.5. Sửa chữa hư hỏng mặt đường bê tông:

a) Mục đích:

Sửa chữa mặt đường bê tông có kết cấu bê tông bị hư hỏng cục bộ như nứt vỡ, ổ gà, lún sụt, kịp thời khắc phục hư hỏng, ngăn chặn phát triển mở rộng; nhằm đảm bảo an toàn cho công trình đê điều, thuận lợi cho công tác ứng cứu hộ đê và an toàn cho người, phương tiện tham gia giao thông qua lại.

b) Yêu cầu và thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, vật tư, phương tiện thi công.
- Phá dỡ phần bê tông mặt đê bị hư hỏng bằng máy khoan tay; phạm vi phá dỡ theo kích thước các tấm bê tông mặt đê (chiều dày tấm bê tông 25cm).
- Đào khuôn đường đất cấp III, dày trung bình 30cm.
- Vận chuyển phế thải trong phạm vi 10km (tạm tính).
- Làm móng đường bằng cấp phối đá dăm dày 30cm (2 lớp).
- Vệ sinh mặt đường đã phá dỡ trước khi đổ bê tông.
- Trộn vữa (bằng máy trộn); đổ, đầm bê tông (đá 2x4 mác 300# dày 25cm) bằng thủ công và bảo dưỡng bê tông theo đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Thu dọn nơi làm việc, bảo dưỡng bê tông theo quy định.

Đơn vị tính: 10m²

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
SC 5.5	Sửa chữa hư hỏng mặt đường bê tông kết cấu bê tông			
SC 5.5.1	Phá dỡ mặt đường bê tông bằng máy khoan, mặt đường dày 25cm	Nhân công 3,5/7 Máy khoan 1,5KW	công ca	7,050 3,750
SC 5.5.2	Đào móng đường chiều dày 30cm	Nhân công 3/7	công	3,210
SC 5.5.3	Vận chuyển phế thải cự ly 10km	Ô tô 7 tấn	ca	0,330
SC 5.5.4	Làm móng đường bằng cấp phối đá dăm dày 30cm	Vật liệu		
		Cấp phối đá dăm	m3	3,960
		Nhân công 4/7	công	0,900
		Máy thi công Máy đầm cóc	ca	1,500
SC 5.5.5	Đổ bê tông mặt đường dày 25cm; mác 300#; độ sụt 2-4; đá cỡ 2x4	Vật liệu		
		Vữa	m3	2,625
		Nhựa đường	kg	8,975
		Vật liệu khác	%	5,000
		Nhân công 4,3/7	công	6,550